TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 979/2023/DS-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh

Bà Đặng Thị Huệ Tú

- ***Thư ký Tòa án****:* Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2021/TLST- DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1839/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 6250/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Phi Y, sinh năm 1955

Địa chỉ: D N, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1955; địa chỉ: D2a - C Manhattan Vinhomes G, N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 24/02/2021).

-*Bị đơn*: Công ty TNHH T1

Địa chỉ: D T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Vương Thanh B, Tổng giám đốc.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Vương Thanh B, sinh năm 1953

Địa chỉ: A S, S, CA 93065, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Anh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Phi Y trình bày:

Ngày 15/11/2013, bà Y và Công ty TNHH T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) có đại diện theo pháp luật là ông Vương Thanh B - chức danh Tổng giám đốc ký hợp đồng cho vay tiền mặt với nội dung: Bà Y cho Công ty T1 vay số tiền là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay tối thiểu là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 15/11/2013 đến khi được thông báo của bà Y trong vòng 15 ngày, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất 22%/năm. Tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 15/11/2013 về biện pháp bảo đảm hợp đồng có nội dung: "Cá nhân ông Vương Thanh B, quốc tịch Hoa Kỳ mang hộ chiếu số A cấp ngày 26/9/2007 có trách nhiệm với phần vay này trong bất cứ điều kiện gì thay đổi đến với Công ty T1".

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T1 chỉ thanh toán cho bà Y số tiền vốn tổng cộng 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng), chưa thanh toán tiền lãi cho bà Y. Như vậy, Công ty T1 còn nợ bà Y số tiền vốn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Mặc dù, bà Y nhiều lần yêu cầu Công ty T1 cũng như cá nhân ông B thanh toán cho bà Y số tiền vốn còn thiếu nhưng Công ty T1 và ông B cố ý né tránh, không trả. Ngày 08/12/2020, bà Y có gửi thông báo về việc đòi nợ qua đường bưu điện cho Công ty T1 nhưng không nhận được phản hồi.

Nay bà Y khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 phải thanh toán cho bà Y số tiền vốn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Y không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngày 17/03/2022, bà Y có đơn khởi kiện bổ sung: Trường hợp Công ty T1 không trả cho bà Y số tiền vốn 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) thì yêu cầu cá nhân ông Vương Thanh B phải có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền nêu trên theo như thỏa thuận trong hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 15/11/2013.

Bị đơn Công ty T1 có người đại diện theo pháp luật là ông Vương Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án:

Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vương Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án:

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo số: 440/UTTPDS-TA ngày 21/6/2022 về việc thụ lý vụ án, mở mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; mở

phiên tòa xét xử vụ án cho ông Vương Thanh B. Cụ thể: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số: 440/TTTPDS-TA30 ngày 21/6/2022 gửi Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ ủy thác để tống đạt giấy tờ đối với ông Vương Thanh B theo công ước La H về tống đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại. Ngày 19/12/2022, Bộ Tư pháp có Công văn số: 3353/BTP – PLQT gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp với nội dung: Cơ quan có thẩm quyền của H1 chủng quốc Hoa Kỳ đã thực hiện ủy thác tư pháp nêu trên vào ngày 05/10/2022 bằng phương thức tống đạt hồ sơ trực tiếp cho đương sự - ông Vương Thanh B. Tuy nhiên, ông Vương Thanh B không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Anh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

+Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T1 phải thanh toán cho bà Y số tiền vốn 300.000.000 đồng, bà Y không yêu cầu trả lãi.

+Về chi phí tố tụng: Phía nguyên đơn tự nguyện chịu mọi chi phí ủy thác tư pháp.

+Nguyên đơn là bà Y rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung: Trường hợp Công ty T1 không thanh toán số tiền 300.000.000 đồng thì yêu cầu cá nhân ông Vương Thanh B phải thanh toán khoản tiền nêu trên cho bà Y.

- Bị đơn Công ty T1 có ông Vương Thanh B là người đại diện theo pháp luật vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vương Thanh B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa, đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Phi Y khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền vay còn thiếu. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vương Thanh B, quốc tịch Hoa Kỳ, hiện định cư tại Hoa Kỳ. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2].Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện tống đạt hợp lệ lần thứ hai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa cho bị đơn Công ty T1 và thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp thông báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vương Thanh B theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (lần 1: Xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 22/5/2023; lần 2: Xét xử vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20/6/2023). Tuy nhiên, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không vì trở ngại khách quan hoặc lý do bất khả kháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên theo quy định.

[2].Về nội dung:

2.1. Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào hợp đồng cho vay tiền mặt ngày 15/11/2013 cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy: Ngày 15/11/2013, bà Y cho Công ty T1 vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay tối thiểu là 06 (sáu) tháng, kể từ ngày 15/11/2013 đến khi được thông báo của bà Y trong vòng 15 ngày, phương thức vay bằng tiền mặt, lãi suất 22%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn 900.000.000 đồng, không thanh toán tiền lãi, còn nợ tiền vốn là 300.000.000 đồng. Ngày 08/12/2020, bà Y đã gửi "Thông báo về việc đòi nợ", yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền vốn còn thiếu là 300.000.000 đồng kể từ ngày đến hạn là hết ngày 18/12/2020. Tuy nhiên, phía bị đơn không trả cho bà Y. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn là 300.000.000 đồng.

Phía bị đơn đã được triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án, cũng không có văn bản phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay tài sản cho bên vay; khi

đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".

Căn cứ khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: " Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…, trừ trường hợp có thỏa thuận khác".

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở khẳng định Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận giữa hai bên gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị Phi Y số tiền vốn là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

[2.2].Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3].Về thời hạn trả nợ: Xét thấy, giao dịch vay nợ giữa hai bên diễn ra đã lâu nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ một lầncho nguyên đơn sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[2.4].Về yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn: Trường hợp Công ty T1 không thanh toán cho bà Y số tiền vốn 300.000.000 đồng thì bà Y yêu cầu cá nhân ông Vương Thanh B phải trả số tiền nêu trên cho bà Y.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đã rút lại yêu cầu khởi kiện bổ sung này nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Y.

[3]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Cụ thể, Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227; khoản 5 Điều 477, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty TNHH T1 phải thanh toán cho bà Lê Thị Phi Y số tiền vốn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Thời hạn thi hành: Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Lê Thị Phi Y về việc yêu cầu cá nhân ông Vương Thanh B phải trả số tiền vốn 300.000.000 đồng cho bà Y trong trường hợp Công ty T1 không thanh toán cho bà Y số tiền nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Lê Thị Phi Y tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí ủy thác tư pháp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Phi Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Vương Thanh B được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp Cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Hương